

PARENTS INFORMATION

Father's Name: LE-VAN-NAM Mother's Name: _____ L/M/F

No. of eligible Children: _____

Address in USA _____

Phone: (H)(_____ (W)(_____)

Status: Refugee: 1/; Widow: _____; Immigrant: _____

Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: 113-195 HO#: RF1-1919

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name : LE-XUAN-PHONG L/M/F DOB : 21/1/69 DD/MM/YY

Address in Vietnam: _____

Sex: _____ Marital Status: _____ Marriage date: _____ DD/MM/YY

Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Father IV#: _____ No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____

Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

PARENTS INFORMATION

Father's Name: LE-VAN-NAM Mother's Name: _____ L/M/F

No. of eligible Children: _____

Address in USA: _____

Phone: (H)(_____) (W)(_____)

Status: Refugee: ✓; Widow: _____; Immigrant: _____

Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: 113-195 HO#: RF1-1919

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name : LE-PHONG-THAI L/M/F DOB : 16/11/71 DD/MM/YY

Address in Vietnam: _____

Sex: _____ Marital Status: _____ Marriage date: _____ DD/MM/YY

Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Father IV#: 113-195 No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____

Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

PARENTS INFORMATION

Father's Name: LE-VAN-NAM Mother's Name: _____ L/M/F

No. of eligible Children: _____

Address in USA: _____

Phone: (H)(_____ (W)(_____)

Status: Refugee: V; Widow: _____; Immigrant: _____

Date of ODP interview: _____ DD/MM/YY IV#: 113-195 HO#: RF1-1919

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child name: LE-THAI-HUNG L/M/F DOB: 7/7/73 DD/MM/YY

Address in Vietnam: _____

Sex: _____ Marital Status: _____ Marriage date: _____ DD/MM/YY

Spouse's Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Father IV#: 113-195 No. Of Children: _____ Exit Permit: _____ LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name: _____ (L/M/F) DOB: _____ DD/MM/YY

Sex: _____ Grandfather IV#: _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP Interview: _____ Date of Arrival: _____

Date of Denial: _____ Date of Appeal: _____

Date: _____ Initial: _____

Name: LE - VAN - NAM

Address: _____

Telephone: _____

Date: December, 27 - 1996

Mr. Dewey Pendergrass, Director
Orderly Departure Program
Box 58 - American Embassy
APO AP 96546

RE#: _____

IV#: 113 - 195

RF.1 #: 1919

Dear Mr. Pendergrass:

I am writing on behalf of my (son, ~~daughter~~, children),

- 1/ LE XUAN PHONG (24-5-1969)
- 2/ LE PHONG THAI (16-11-1971)
- 3/ LE THAI HUNG (07-7-1973)

I believe that (~~his~~, ~~her~~, their) status under the eligibility guidelines of the Orderly Departure Program (ODP) is affected by the McCain Amendment of the 1997 Foreign Operation Act which restores eligibility to the unmarried over-21 sons and daughters of the former Vietnamese political prisoners.

I request that ODP check the case(s) according to the case numbers provided above and confirm for me that the son(s) or daughters(s) listed above are eligible and part of the group that ODP is now contacting to invite to interview. If a new letter of introduction has already been sent, I would appreciate knowing the date it was sent and to what address in Vietnam. That will help me ensure it arrives.

I appreciate that your office is busy with many cases, but my family and I are equally anxious to ensure that the case of our children be reconsidered under the new law before their eligibility expires.

On behalf of my family, I thank you for your help in this matter.

Sincerely,



Lê Văn Nam

cc: FVPPA,

"For Information and Follow-up"

VA 22043

AMERICAN COUNCIL FOR VOLUNTARY INTERNATIONAL ACTION
(INTERACTION)

200 PARK AVENUE SOUTH NEW YORK, N.Y. 10003

DATE: 24 JUN 96 FILE ID NO. V115503 PRESENT LOCATION: THAILAND

ETA OR ESL COMPLETION DATE:

THE FOLLOWING PERSONS:

NAME	A NUMBER	DATE OF BIRTH	SEX	POB	NL/D
LE VAN NAM	74514056	11SEP44	M	VTNM	VTNM
LE THI RANG	74514057	11FEB44	F	VTNM	VTNM

HAVE BEEN ACCEPTED FOR RESETTLEMENT UNDER THE AUSPICES OF:

VOLUNTARY AGENCY

IRSA
1717 MASSACHUSETTS AVE. NW
WASHINGTON, D.C. 20036

(202) 347-3507

LOCAL SPONSOR

YMCA INT'L SERVICES HOUSTON
6315 GULFTON STE 100
HOUSTON TX 77081

(713) 995-1502

AIRPORT OF FINAL DESTINATION: IAH

LOCAL RELATIVE

DANG VAN PAUL

PLACE OF LANDING: HOUSTON TX

TX 77099

SPECIAL INSTRUCTIONS: H (713) 561-9979

THIS AGENCY AGREES TO ASSIST THE PRINCIPAL REFUGEE NAMED ABOVE
TO OBTAIN EMPLOYMENT AND HOUSING FOR HIM/HERSELF AND FAMILY, IF ANY.

SIGNATURE 
AUTHORIZED VOLAG REPRESENTATIVE

4-22-92

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI GIANG
PHÒNG HỘ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH

3/2

XÃ Tân-An (Phong-Dinh)

Năm 1969 số hiệu 2729

Tên họ đứa bé	<u>Lê-xuân-Phong (sơ thai 1)</u>
Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sanh ngày nào	<u>24.5 đ1 1969/</u>
Sanh tại chỗ nào	<u>Tân-An Phong-Dinh</u>
Tên, họ cha	<u>Lê-văn-Nam/</u>
Cha làm nghề gì	<u>Buôn bán</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Tân-An Phong-Dinh</u>
Tên, họ mẹ	<u>Lê-thị-Rạng/</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Nội trợ</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Tân-An Phong-Dinh</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>Vợ chánh HT SS 93 An-Bình 1968</u>

Trích y bản chính

Hải-Giang ngày 09 tháng 6 năm 19 82

TIM Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh

ỦY VIÊN THU KÝ/HỘ TỊCH



-Huyện-công-Đài-

Giá tiền 14.00

Biên lai 859

Chữ ký người phụ trách

Uc

KHAI SANH

Ủy viên Bộ Nội
Vụ

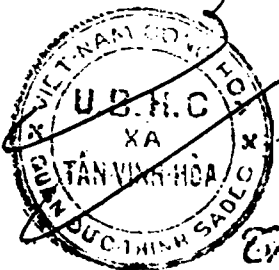
chánh

MIỄN THU-Y
Tham chiếu V.I. số 4366/BNV
Ủy Bộ Nội-Vụ ngày 3-8-1970

Tên họ au nhi :	Lê -phong -Thái,
Phái :	Nam
Sanh :	Mười sáu tháng mười một năm 1971
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Nhà sanh bác sĩ Chấn Sadon
Cha :	Lê -văn -Nam,
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Tân vĩnh hòa
Mẹ :	Lê -thị -Pong,
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Tân vĩnh hòa
Vợ :	Vợ chánh
Chánh hay thê	
Người khai :	Lê -văn -Nam
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Tân vĩnh hòa
Ngày khai :	19 tháng 11 năm 1971
Người chứng thứ nhất :	Lê -nhinh -Thế
Tên họ	
Tuổi :	52 tuổi
Nghề :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Tân vĩnh hòa
Người chứng thứ nhì :	Hai -văn -Tiếng
Tên họ	
Tuổi :	69 tuổi
Nghề :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Tân vĩnh hòa

TRỊCH Y BỘ CHÁNH

Tân-Vĩnh Hòa, ngày 19 tháng 11 năm 1971
ỦY-VIÊN BỘ NỘI-VỤ



Lập tại Tân vĩnh hòa ngày 19 tháng 11 năm 1971

Người khai

Ủy viên Hộ tịch

Nhân Chứng

Ký tên: Nam

Ký tên: Duyên

Ký tên: Thế

Tiếng

Thế - Bình - Duyên

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

Thị-Xã CẦN-THƠ

Quận Khố

Phường An-Lạc

Số hiệu: 1864

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 11 tháng 7 năm 19 73

Tên họ đứa trẻ	<u>Lê-Thái-Hùng /</u>
Con trai hay con gái	<u>Nam</u>
Ngày sanh	<u>Bảy, tháng bảy, năm, 1973 (7-7-1973)</u>
Nơi sanh	<u>Phường An-Lạc (Thị-xã Cần-thơ)</u>
Tên họ người cha	<u>Lê-Văn-Nam /</u>
Tên họ người mẹ	<u>Lê-thị-Rạng /</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú	<u>Vợ-chánh HT số: 93 An-bình 1968</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Lê-Văn-Nam</u>

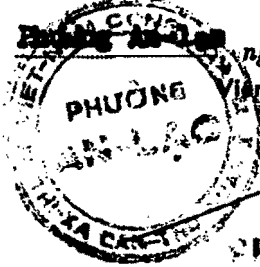
MIỀN THỊ-THỰC

(TỔ THÔNG-TÝ BỘ NỘI-VU

Số 4-48/BNV/HC/29

Ngày 3-8-1970)

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH



ngày 13 tháng 7 năm 19 73

Văn-Chức Hộ-Tịch,

TRẦN-VĂN-NGỌC
PHƯỜNG-TRƯỞNG AN-LẠC

FR: LÊ-VAN-NAM

To : F.V.P.P.A



21 (01.04.95)

22043/3418



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 0305436 B/P5



Họ và tên / Full name

LÊ VĂN NAM

Ngày sinh / Date of birth

11 - 9 - 1944

Nơi sinh / Place of birth

Bà Rịa

Chỗ ở / Domicile

Đông Hưng

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

(Handwritten signature)
Lê Văn Nam

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

22 - 11 - 2000

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại TP. HCM ngày 22 tháng 11 năm 1999

Issued at

on

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Nguyễn Ngọc Thạch

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

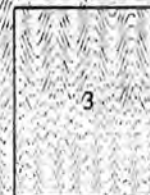
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

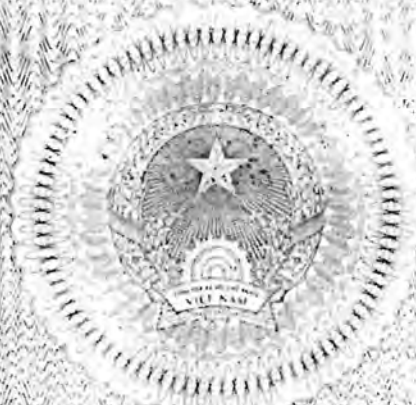
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 6116

Cấp cho Lê Văn NamCùng với trẻ emĐến Hợp chúng quốc Hoa KỳGiữ từ: khởi Đầu tiênTrước ngày 22 - 5 - 199610 Hết Địa Minh quốc đường năm 1995

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

HƯỚNG DẪN

Nguyễn Ngọc Khang